

Thơ ca các chúa Trịnh - Một sản phẩm điển hình của dòng văn học cung đình Việt Nam thời trung đại

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Trong sự phát triển văn học thời Lê - Trịnh, các thi nhân chúa Trịnh đã để lại dấu ấn đậm nét. Dòng thơ ca các chúa Trịnh mang đậm tính chất cung đình, nội dung tư tưởng thường tập trung vào các vấn đề cơ bản như: Ca ngợi xã hội, triều đại thái bình, thịnh trị; Tô rõ khẩu khí của các đấng minh quân trong các công việc trị sự; Giáo huấn các phạm trù đạo đức, nhân luân cũng như chức phận của quan, dân trong vương triều; Phủ dụ, giáo huấn các bề tôi. Ngôn ngữ, bút pháp thơ ca các chúa Trịnh mang đậm tính chất kinh viện, dài các, bác học, khuôn thức.

Từ khóa: Thơ ca chúa Trịnh, Chúa Trịnh, Văn học cung đình, Văn học trung đại

Abstract: In the development of literature in the Le-Trinh imperial period, poetry by Trinh Lords characterized as a profound royal court style left a deep impression. Its main contents and thoughts indicated basic themes including praising a peaceful and prosperous society, wise kings and their dynasties, conveying the moral values, promoting awareness of compliance, placating and educating servants. The literary language and composing techniques of the Trinh Lords prove a truly academic, graceful and formal style.

Keyword: Trinh Lords' poetry, Trinh Lords, Court literature, Vietnamese Medieval Literature

1. Mở đầu

Dù là những bậc quân vương “Phi đế phi bá/ Quyền khuynh thiên hạ” luôn bận rộn chính sự và mãi mê chinh chiến để khẳng định quyền lực của dòng họ, nhưng các chúa Trịnh lại ham mê và có tài năng văn học nên họ đã sáng tác không ít tác phẩm. Việc sáng tác văn học đối với các chúa Trịnh cũng một phần là “làm chính

trị”. Họ đã để lại cho hậu thế nhiều áng thi ca có giá trị hiện nằm rải rác trong các sách địa chí, lịch sử, gia phả, bia đá, biển gỗ, bảng đồng,... ở nhiều danh lam thắng cảnh. Dòng thơ ca các chúa Trịnh chải chuốt, cầu kỳ và mang khẩu khí đế vương, có đóng góp nhất định đối với nền thi ca dân tộc. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu khảo sát, giới thiệu dòng thơ ca các chúa Trịnh, ngõ hầu đem đến cho độc giả một di sản văn học cung đình độc đáo trong lịch sử.

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: hoangthongtinnguvan@gmail.com

2. Vài nét về bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa - văn học thời Lê - Trịnh

Nhà nước phong kiến Đại Việt thời Lê - Trịnh tồn tại song song hai bộ máy quyền lực. Triều đình (đầy đủ "lục bộ") do vua Lê đứng đầu, Phủ liêu (đặt ra "lục phiên") do chúa Trịnh nắm giữ. Các chúa Trịnh ý thức rằng, sự nghiệp "trung hưng" đất nước muốn thành công vẫn phải dựa trên ảnh hưởng và uy tín của nhà Lê nên đã áp dụng một định chế mà ở đó vua Lê vẫn được duy trì ngôi vị trên danh nghĩa, nhưng thực quyền lại nằm trong tay chúa Trịnh. Mô hình chính trị này là một thiết chế hết sức đặc biệt trong lịch sử phong kiến Việt Nam - thiết chế "lưỡng đầu" vua Lê - chúa Trịnh. Các chúa Trịnh về cơ bản giữ thái độ hòa kính với vua Lê; còn các vua Lê cũng cơ bản chấp nhận tình thế của mình (dù có thể mang tính hình thức, và đôi khi cũng xảy ra những xung đột nhất định giữa vua Lê và chúa Trịnh, nhưng chưa đến mức đổ vỡ). Trước chính sách đó, cộng với thực tế hiển hiện là các vua Lê tài năng hạn chế, các chúa Trịnh mới có khả năng điều hành đất nước, dân chúng Đại Việt (đặc biệt là giới trí thức Nho học) cũng chấp nhận thể chế đó như một lựa chọn không thể khác.

Thực chất, các chúa Trịnh đã nắm quyền khoảng hơn hai trăm năm (1545-1787)^(*). Ngoài các đời Trịnh Lê, Trịnh Khải, Trịnh Cán, Trịnh Bồng ngắn ngủi rồi ren, còn lại tám đời chúa cầm quyền đều

vững vàng, thịnh trị. Theo ghi chép của các bộ sử sách như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Đại Việt thông sử*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Lịch triều tạp kỷ*,... có thể thấy đa số các chúa Trịnh là những người tài và cũng rất trọng dụng nhân tài để trị vì đất nước. Dù luôn phải đương đầu với những thách thức chính trị - xã hội phức tạp (như việc đối phó với nhà Mạc cùng sức ép chính trị từ phương Bắc, các cuộc bạo loạn khởi nghĩa của nông dân, sự trỗi dậy của thế lực họ Nguyễn ở phương Nam) nhưng các chúa Trịnh đã thực thi nhiều chính sách, đường lối tích cực để ổn định xã hội và củng cố được quyền lực của mình.

Thời Lê - Trịnh, ngoài các thành tựu kinh tế, chính trị, ngoại giao,... các chúa Trịnh trong những năm tháng cầm quyền đã tỏ rõ ý thức kiến tạo bản sắc văn hóa dân tộc Đại Việt. Văn hóa Đại Việt thời kỳ này đã để lại những di sản to lớn cho đất nước như: lễ nhạc, văn chương, kiến trúc, điêu khắc, gốm sứ, âm nhạc, vũ đạo, trang phục,... Về đại thể, văn hóa thời Lê - Trịnh kế thừa và kết nối hệ tư tưởng thời Lê sơ từ thế kỷ XV lấy Nho giáo làm nền tảng tư tưởng của mọi thiết chế chính trị, xã hội. Còn văn học thời Lê - Trịnh vẫn kế thừa văn học thời Lê sơ từ thế kỷ XV. Đó là nền văn học Đại Việt phản ánh tinh thần của một dân tộc đã cường thịnh với nhiều tác phẩm rất có giá trị. Văn học chữ Hán vẫn là dòng văn học trung tâm, nhưng văn học chữ Nôm đã rất phát triển trên cơ sở kế thừa các thành tựu trước đó. Thơ ca của các chúa Trịnh ra đời và phát triển trên bối cảnh đó.

3. Tình hình sáng tác và văn bản thơ ca các chúa Trịnh

Các sách sử đương thời có nhiều ghi chép về hoạt động văn học của các chúa Trịnh. Chẳng hạn, *Đại Việt sử ký tục biên* có ghi nhiều thông tin chi tiết, thú vị như:

(*) Tuy đến năm 1599 Trịnh Tùng mới được vua Lê phong Đô Nguyên súy Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An vương, chính thức nắm mọi quyền hành trong nước, mở đầu nghiệp chúa, nhưng thực ra binh quyền đã thuộc về họ Trịnh từ năm 1545 (khi Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất hãm độc). Trịnh Kiểm từ khi lên thay quyền Nguyễn Kim đã tiếp tục công cuộc "phò Lê diệt Mạc" và củng cố quyền lực họ Trịnh.

Chúa Trịnh Giang (1711-1762) thích văn nghệ, những khi ngoài buổi triều hội thường mời các bầy tôi thi tụng vào ăn yến trong lầu gác. Có lúc ở nhà Dưỡng Chính, đình Bát Giác, Tây Tung, Phượng Các “cho các bầy tôi được xem, bàn bạc sách vở, nghiên cứu đúng rõ nghĩa văn; hoặc cho xem phép viết chữ chân, thảo, triện; hoặc hạn văn bảo làm thơ; hoặc bảo tìm các bức thư, các bài ký, tụng, minh, châm, truyện, dẫn, chiếu, chế triều nay, đề vịnh cảnh vật. Ai thi trúng thì khen thưởng trước mặt. Lại sai biên tập thi văn nước ta, chia ra từng mục, từng loại, rõ cả họ tên tác giả để khi xem được đầy đủ (Quốc sử quán triều Lê, 2012: 142-143).

Đại Việt sử ký tục biên cũng chép một số sự kiện đáng chú ý, như: “khi đại thần Nguyễn Quý Đức trí sĩ, Chúa Trịnh ban cho hai bài thơ cùng ngựa xe và ruộng lộc điền; hay ngày Kỷ Hợi (29/11/1727) khi phong chức cho Thế tử Trịnh Giang, Chúa Trịnh Cương đích thân làm bài *Bào huấn* và hai bài thơ ban cho”; hoặc “Chúa Trịnh Sâm nghĩ tướng sĩ đánh giặc chịu lao khổ, bèn phát tiền kho ra ban yến. Chúa tự làm bài thơ quốc âm đề úy lạo họ”; v.v...

Sách *Lịch triều tạp ký* (Ngô Cao Lãng, Xiển Trai, 1995) cũng ghi chép trước tác văn học cung đình thời Lê - Trịnh (thơ ca, biểu, chiếu và lệnh,...), trong đó có nhiều bài thơ Nôm của chúa Trịnh. Chẳng hạn, năm 1718 Chúa Trịnh Cương có 2 bài thơ Nôm thù tạc đề tặng, một bài tặng sứ thần là Bồi tụng Nguyễn Công Hãng (1680-1730) và Phụng Thiên phủ doãn Nguyễn Bá Tông (?) đi sứ nhà Thanh về, một bài khác tặng Đặng Đình Tướng (1649-1736) khi viên quan họ Đặng này xin trí sĩ. Hay năm 1721, Chúa Trịnh Cương đi chơi hồ Tây, các quan Trịnh Quán, Đặng Đình Tướng, Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn đều đi hộ giá.

Chúa Trịnh đích thân làm hai bài thơ quốc âm đề ban cho họ. Trong thơ có tán tụng, ví von chúa - tôi như cảnh cá gặp nước, tương đắc với nhau. Hoặc như tháng 9 năm Nhâm Dần, Bảo Thái thứ 3 (1722), Chúa Trịnh Cương ra phía Tây thành Thăng Long xem xét việc gặt hái. Bấy giờ được mùa, lúa tốt, Chúa đi xem, ban rượu thịt cho mọi người. Mọi người đều vui ca hát, nhân đó Chúa ngẫu hứng làm bài thơ *Phong niên thi* và một thiên *Phong niên vịnh* (một cách điệu từ khúc) để kỷ niệm. Vào hạ tuần tháng 10 năm Mậu Thân, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (1728), trong vườn Kỳ Viên, cây thiên tuế nảy ra 9 giò. Chúa Trịnh đã làm hai bài thơ *Tứ kỳ viên tứ* (1 bài chữ Hán, 1 bài chữ Nôm) nói về điềm lành. Đến tháng 11 năm ấy, ngày 16, có rồng xuất hiện ở trước lầu Ngũ Long, Chúa Trịnh sai bói cò được quẻ Lôi Địa Dự. Chúa cũng mừng điềm lành bèn làm hai bài thơ để ghi lại (1 bài chữ Hán, 1 bài chữ Nôm)...

Qua *Lịch triều tạp ký* cũng thấy nhiều việc xướng họa thơ ca cung đình hấp dẫn giữa các chúa Trịnh và quần thần, chúa Trịnh thường tặng thơ cho các quan, các quan họa lại, các quan cũng xướng họa với nhau, rồi có cuộc thi thơ, sát hạch bằng thơ...

Như vậy, qua các tư liệu đương thời, có thể thấy cung vua phủ chúa thời Lê - Trịnh có một bầu không khí sinh hoạt văn chương cung đình rất sinh động. Từ các hoạt động như vậy, các chúa Trịnh đã để lại rất nhiều tác phẩm thơ ca. Phạm Nguyễn Du trong *Thạch động văn sao* bày tỏ hứng thú về thi đàn cung đình thời chúa Trịnh: “Nay bề trên lưu ý đến thi học, ngự chế tập thơ có tên là *Tâm thanh tôn duy tập*, các công khanh đại phu là người có chức vị ai cũng có thơ tỏ chí, đáp tặng qua lại, lâu ngày tích thành bài, thành tập, thành thực xiển dương cái vận khí, nêu cao cái phong khí của thơ,

thực là một vận hội vậy” (Theo: Nguyễn Thanh Tùng, 2010: 131-132). Còn Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã có những nhận xét về thơ ca của các chúa Trịnh như sau: “Ấn vương (Trịnh Doanh) dụng công về việc làm thơ, làm đến mấy trăm bài, cũng đáng gọi là một vị chúa hiền thích văn. Nhưng tập thơ này đặt tên là *Càn Nguyên*, cũng là tiếm lạm quá, thế mà các từ thần, bảy giờ biên chép, lại tôn sùng rất mực, coi như thực là thiên tử rồi, sự thể bảy giờ như thế nên phải như thế, có gì lạ đâu”; hay: “Thơ của Ấn vương (Trịnh Doanh), Tĩnh vương (Trịnh Sâm) sai Hàn lâm là Phan Lê Phiên biên sếp, chia từng việc từng loại, tất cả hơn hai trăm bài thơ. Lê Phiên dâng bài *Khải...*”; và: “Thơ của Tĩnh vương (Trịnh Sâm) làm từ khi còn là thế tử, sau khi lên ngôi chúa mới chép lại thành tập và tự làm tựa...”; v.v... (Phan Huy Chú, 2007: 475-477). Qua đó có thể thấy thơ văn (trong đó có thơ Nôm) chúa Trịnh đã từng có tiếng vang nhất định ngay thời các chúa còn sống hay sau đó ít lâu.

Dù bị thất truyền nhiều nhưng đến nay di sản thơ ca của các chúa Trịnh để lại cho hậu thế vẫn còn khoảng hơn bốn trăm bài thơ Nôm, tập trung chủ yếu trong các thi tập: *Khâm định thặng bình bách vịnh*, *Lê triều ngự chế quốc âm thi*, *Càn Nguyên ngự chế thi tập*, *Tâm thanh tồn dục tập* (mới thất lạc gần đây)... Có thể sơ bộ giới thiệu về di sản thơ ca hiện còn của các chúa Trịnh như sau:

Khâm định thặng bình bách vịnh - thi tập của Chúa Trịnh Căn (1633-1709) có 90 bài thơ, trong đó có 88 bài thơ Nôm viết theo thể thơ thất ngôn bát cú. Trong số đó, nhiều bài có ghi kèm theo lời dẫn khá dài bằng Hán văn của chính tác giả, nói rõ nguyên do, hoàn cảnh làm bài thơ, đồng thời có ngụ cả ý thuyết đạo ngôn chí.

Đây là tập thơ mang sắc thái văn hóa cung đình, nội dung chủ yếu ca ngợi triều đại thái bình thịnh trị; bút pháp khá điêu luyện, chải chuốt, tuy cũng có ít bài sa vào khuôn sáo, cầu kỳ.

Lê triều ngự chế quốc âm thi - tập hợp những bài thơ thăm thú cùng khúc ca tuần tinh của Chúa Trịnh Cương (1686-1729) với ba phần: *Tuần tinh ký trình khúc*, *Quan tinh Hoa trình ký*, *Thời tuần tức sự ký*. Mỗi phần đều có nội dung nhất quán phản ánh về một cuộc hành trình tuần du các địa phương nước Việt của tác giả. Toàn bộ tác phẩm giống như một thiên ký sự bằng thơ, thể hiện được những gì tác giả nghe, thấy và cảm nhận được trên con đường tuần thú của mình. Mỗi bài thơ là một cảnh chùa hoặc một nơi di tích, danh thắng của đất nước. Có những bài thơ ca ngợi tên đất, tên sông gắn liền với những chiến công hiển hách của dân tộc. Đọc *Lê triều ngự chế quốc âm thi*, người đọc có thể mừng rỡ quang cảnh thanh bình của nước Việt thời vua Lê chúa Trịnh và hẳn thấy đó là một thi tập có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật.

Càn Nguyên ngự chế thi tập của Chúa Trịnh Doanh (1720-1767) do con trai là Chúa Trịnh Sâm đặt tên và quan Thị thư Viện Hàn lâm kiêm Tư nghiệp Quốc Tử Giám là Phan Lê Phiên biên soạn, viết bài khai dâng sách. Tập thơ này chia làm 4 quyển với 263 bài, trong đó có 241 bài thơ Nôm và 22 bài thơ chữ Hán. Nội dung của tập thơ là các vấn đề: Quan niệm về tu thân, tề gia, trị nước; Chi bảo, khuyến khích bề tôi làm tròn nhiệm vụ; Đề, vịnh cảnh vật, bày tỏ cảm xúc. Những nội dung trên phần lớn do yêu cầu chính trị, quân sự và hoàn cảnh cụ thể quy định. Thể thơ chủ yếu là thơ Đường luật, đôi lúc xen với câu 6 chữ, một số ít làm theo thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.

Trong các chúa Trịnh, có lẽ Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm (1739-1782) là nhà thơ tài hoa và có nhiều sáng tác nhất. Chúa Trịnh Sâm nổi tiếng nhất với *Tâm thanh tồn duy tập*, trong bài tựa của thi tập này, ông đã mang đến cho thi đàn đương thời một quan niệm độc đáo về thơ - thơ là một thứ tâm học. Thơ của ông còn được chép trong các sách như: *Bình Ninh thực lục*, *Minh Đô thi tuyển*, *Lê triều danh nhân thi tập*,... Chẳng hạn *Bình Ninh thực lục* chép bài thơ *Ngự chế lạo hoàn dịch quốc âm thi* và bài từ bằng chữ Nôm *Ngự chế quốc âm từ khúc*. Bút tích thơ của Chúa Trịnh Sâm còn lưu lại trên các vách đá, hang động xứ Thanh và nhiều danh lam thắng cảnh khác như: chùa Hương Tích, núi Sài Sơn, núi Bài Thơ, động Từ Thức,... nên hậu thế tôn vinh ông là thi sĩ của “thạch thi”.

4. Tính chất cung đình của thơ ca các chúa Trịnh

* Về nội dung

Có thể thấy dòng thơ ca chúa Trịnh đậm màu sắc chính trị, luân lý. Điều này thể hiện rõ qua *Càn Nguyên ngự chế thi tập* của Chúa Trịnh Doanh với các chủ đề như: *Nhàn gia chi tắc* (Phép tắc trong nhà - 35 bài); *Vì trị chi đạo* (Đạo trị nước - 9 bài); *Nhân sự chi huấn* (Nhân việc mà dạy bảo - 20 bài); *Bao sùng thánh triết* (Tôn sùng các bậc thánh triết - 3 bài); *Cảm thụ thiên hựu* (cảm nhận phúc trời - 16 bài); v.v... Cảm xúc, tư tưởng, hình tượng nghệ thuật của chúng đều trực tiếp hay gián tiếp gắn với các vấn đề chính trị, đạo đức và bộc lộ hoài bão chính trị của Chúa Trịnh Doanh. Hay trong *Khâm định thặng bình bách vịnh* của Chúa Trịnh Căn, lý tưởng trị quốc an dân còn được thể hiện ở những chủ trương, chủ thuyết cụ thể hơn. Chùm thơ *Tam diệu đại thống* của Chúa Trịnh Căn luận về ba mối huyền diệu lớn, tức “Thiên”, “Địa”,

“Nhân”, còn gọi là “Tam tài”. Trời (quẻ Càn) ở đúng ngôi vị, có đức lớn thì muôn vật phát triển. Đất (quẻ Khôn) nhu thuận, khoan dung, nuôi dưỡng muôn vật. Trời đất giao hòa thì muôn vật sinh sôi phát triển. Bậc quân vương có đức “trung tín”, “hiếu thành”, biết gây dựng nên kỷ cương pháp độ và có kế sách hay, mưu lược tốt đẹp sẽ tạo nên xã hội thịnh trị. Theo nhà thơ, sự hòa hợp của ba yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa mang đến sự nghiệp thành công của vương triều. Quan niệm này mang tính hỗn dung, phức tạp, bị quy định bởi tư tưởng truyền thống phương Đông và nhu cầu quản lý con người, quản lý xã hội dựa trên những nguyên lý cơ bản của Nho giáo.

Thời cổ trung đại, các triều đại phong kiến phương Đông thường quan niệm, mỗi khi điềm trời có gì khác lạ, thì ở trần gian trước sau cũng sẽ có những chuyện tương ứng xảy ra. Điềm trời là cách thức Trời dùng để chỉ dạy cho đấng quân vương xem có làm đúng phép tắc, lễ luật của trời đất hay không, là dấu hiệu cho biết vua chúa có “đức” hay không. Qua khảo sát thơ ca chúa Trịnh, có thể thấy, họ hết sức lưu ý đến “điềm trời” để đoán biết ý trời, đoán biết cát hung. Chẳng hạn, Chúa Trịnh Cương có bài thơ *Nôm Thời vũ giáng, dân đại duyệt* để mừng “mưa thuận gió hòa” như là ân trạch của trời ban cho chúng sinh, hay bài thơ *Điềm thái lãng* biểu thị sự yên vui thái bình. Hoặc trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập*, Chúa Trịnh Doanh có chùm thơ độc đáo: *Cảm thụ thiên hựu* với 16 bài thơ cùng đề tài nói trên. Trong đó, bài *Kỳ vũ hoạch ứng* nói về việc cầu mưa được ứng nghiệm; *Cự ngự dâng tân* nói về vận thái bình, thịnh trị; *Thụy vật triệu chủ hòa* nói việc khí dương hòa đến từ hướng Đông, biểu thị sự thịnh vượng, yên vui; *Tiên cảm hiển thụy* nói việc chim tiên dâng điềm

lành... Các bài thơ khác như *Hi đức vũ*, *Đắc tiểu vũ dự hi*, *Cam lâm ứng đảo*, *Cự ngư đấng tân*, *Thụy vật triệu chủ hòa*, *Tiên cầm hiển thụy*, *Lục nhân long*, *Linh ba trình thiên khánh*,... đều cho thấy Chúa có niềm tin sâu sắc về mỗi cảm ứng linh diệu giữa trời và người. Chúa làm thơ “cảm thụ thiên hư”, làm thơ về điềm trời, phúc trời cũng là để thể hiện uy đức, để khẳng định đức trị dân và thực chất là khẳng định ngôi vị của mình. Vì Chúa có “đức” tốt nên trời ban điềm thái hòa, ban cảnh thái bình, thịnh vượng cho giang sơn. Đón cảnh thái bình, thịnh vượng, Chúa ngẫu hứng làm thơ để báo đáp phúc trời và biểu thị “đức trị” của mình là hợp lẽ trời.

Khảo sát dòng thơ ca các chúa Trịnh, có thể thấy khá phổ biến loại hình thơ “bao biếm” (chủ yếu trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập*) - loại thơ có nội dung khen - chê^(*). Tuy nhiên có thể thấy thơ ca các chúa Trịnh có vẻ không chỉ dừng lại ở khía cạnh “bao biếm” bề tôi, dân chúng, mà còn bao hàm nội dung ý nghĩa khuyến giới, cảnh tỉnh họ. Chính vì vậy, gọi thơ ca chúa Trịnh là “thơ khuyến giới” có vẻ sát thực hơn, nó cũng rất phù hợp với giọng điệu và khẩu khí quân vương của dòng thơ ca cung đình này. Chẳng hạn, *Càn Nguyên ngự chế thi tập* có các chùm thơ: *Nhân sự chi huấn* (Nhân việc mà dạy bảo - 20 bài); *Khiển chúng tướng*

(Sai các tướng đi đánh trận - 40 bài); *Mệnh chư hầu xuất trấn* (Sai các quan đi nhậm chức - 11 bài), *Tướng dụ đại thần* (Khen, dụ đại thần - 21 bài), *Tướng lạo sứ thần* (Úy lạo sứ thần - 10 bài), v.v... Các chùm thơ này được viết nhằm khích lệ các tướng sĩ, úy lạo các đại thần, sứ giả để động viên, khuyến khích họ làm tròn nhiệm vụ. Điều này thể hiện rõ nhất qua các bài được ban cho các tướng đi đánh trận (Bính Quận công, Điều Quận công, Vệ vũ hầu, Bàn Thạch hầu, Kiên Quận công, Tuân Quận công, Đôn Lăng hầu, Khuông Quận công, Bích Quận công, Miên Quận công, Đông Lăng hầu, Nguyễn Huy Nhuận, Càn Quận công...), hay các bài thơ ban cho các quan đi nhận nhiệm vụ ở xa kinh thành (Nguyễn Công Thế, Trình Quận công, Lê Phương hầu,...), hoặc các bài ban khen các viên đại thần có nhiều công lao (Siêu Quận công, Côn Quận công, Phấn Quận công, Vực Quận công,...) và các bài ban tặng các sứ thần (Nguyễn Kiều, Nguyễn Tông Khuê, Vũ Khâm Lân, Nguyễn Huy Oánh,...). Lời thơ trong các bài thơ trên thường tha thiết, ân cần. Những bài thơ khuyến giới có lẽ thường gắn với yêu cầu về mặt chính trị, quân sự của triều đình. Trong chùm thơ *Cật nhung chi pháp* (Phép luyện quân - 12 bài), Chúa Trịnh Doanh còn sử dụng cách nói châm biếm để khuyên răn, chỉ bảo tướng sĩ trong luyện tập quân sự, khích lệ họ luyện tập để hoàn thành nhiệm vụ. Qua hình thức châm biếm, ông còn chỉ bảo, uốn nắn những sai sót trong thao luyện của tướng sĩ (*Trào quân binh quan bất năng huấn tề*, *Trào binh phiên phát hiệu*, *Trào khảo sạ bất trúng*...). Đối với những thể thiếp, cung tần mỹ nữ hay các gia nhân trong phủ, trong cung, Chúa Trịnh Doanh cũng làm thơ khuyên nhủ, bảo ban họ sống hòa thuận, tình cảm, nề nếp và giữ tròn bổn phận. Tiêu biểu là

(*) “Bao biếm” là khái niệm được dùng trong sử học thời trung đại. Mục đích, chức năng chính của nó là: khen cái đúng đắn, hợp lý tương, chê điều trái ngược của các sử gia. Trong thơ cũng có một loại khái niệm dùng chỉ vấn đề này là thơ “mỹ thích” (ca ngợi và châm biếm). Nhưng khái niệm này phần nhiều dùng cho thơ của bề tôi dâng lên bề trên để ca ngợi hoặc châm biếm chính sự. Vì vậy, có thể chọn áp dụng khái niệm “bao biếm” của sử trung đại để gọi loại thơ khen ngợi (tụng ca) và loại thơ châm biếm mà các chúa Trịnh dành cho bề tôi của mình.

các bài: *Ban Chính cung*, *Ban Bắc cung*, *Ban Nam cung*, *Ban đệ nhị quân chúa hồi môn*, *Ủy cung nhân an phận*,... Tóm lại, loại thơ khuyến giới đã thể hiện rất rõ tính chất “văn học chức năng”, tính chất giáo huấn của dòng thơ ca chúa Trịnh. Mặt khác, nó cũng biểu thị rõ sắc thái văn hóa cung đình của dòng thơ này.

Bên cạnh đó, đáng chú ý còn có mảng thơ đề vịnh với nhiều bài thơ vịnh vật, vịnh phong cảnh. Thơ đề vịnh các chúa Trịnh thực chất là loại thơ nói chí, thơ tài đạo. Đó là những bài thơ đề vịnh về thiên nhiên, khí hậu, danh lam thắng tích, người và cảnh vật nơi cung vua phủ chúa, nhưng nhiều hơn cả là thơ vịnh các vật như *Vịnh Thủy Tạ thi* (Thơ vịnh nhà Thủy Tạ), *Vịnh quỳnh cái thi* (Thơ vịnh chiếc tán ngọc quỳnh), *Vịnh tân lâu Diệu Hải thi* (Thơ vịnh lầu mới Diệu Hải), *Vịnh long kiệu thi* (Thơ vịnh kiệu rồng), *Vịnh loan xa thi* (Thơ vịnh xe loan), *Vịnh thị kiệu thi* (Thơ vịnh võng châu), *Vịnh tượng thi* (Thơ vịnh voi), *Vịnh mã thi* (Thơ vịnh ngựa), *Vịnh thuyền thi* (Thơ vịnh thuyền), *Vịnh súng thi* (Thơ vịnh súng), *Vịnh cung thi* (Thơ vịnh cung), *Vịnh nổ thi* (Thơ vịnh nổ), *Vịnh kiếm thi* (Thơ vịnh kiếm), *Vịnh bút thi* (Thơ vịnh bút), *Vịnh nghiên thi* (Thơ vịnh nghiên), *Vịnh phiến thi* (Thơ vịnh quạt), *Quần giáp* (Người kếp hát), *Vịnh tam hữu Thông, Trúc, Mai* (Vịnh ba người bạn Thông, Trúc, Mai), *Đào nương*, *Đàn trạch*, v.v... Qua vịnh những vật cụ thể như cái cung, cái quạt, cái nổ, cái đàn, cái kiếm, cái bút,... tác giả thể hiện tư tưởng, bày tỏ tình cảm, triết lý. Thậm chí, trước nhiều bài thơ còn có kèm lời dẫn bằng Hán văn bộc lộ lý tưởng đức trị, nhân trị. Các bài thơ đề vịnh của chúa Trịnh đều ngụ ý ngợi ca xã hội thái bình, triều đại thịnh trị, công đức tổ tông mở nền cơ nghiệp và thể hiện niềm tự hào của tác giả về đất nước.

Còn thơ đề vịnh thiên nhiên, phong cảnh, thời tiết của các chúa Trịnh thì khá chải chuốt, điêu luyện. Riêng trong *Khâm định thắng bình bách vịnh* có 11 bài tả phong cảnh chùa chiền, 2 bài viết về mười hai tháng trong năm, 4 bài viết về bốn mùa... Trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập* có các chùm thơ: *Đông chinh kỳ thắng* (Vịnh thắng cảnh miền Đông) gồm 3 bài, *Tĩnh phương kỳ thắng* (Vịnh phong cảnh các nơi) gồm 14 bài, *Kỳ điện kỳ thắng* (Vịnh phong cảnh kinh thành) gồm 4 bài... Đặc biệt nhất, phải kể đến thơ vịnh phong cảnh thiên nhiên của Chúa Trịnh Sâm. Thơ của ông có cái nhìn khám phá, lối miêu tả tinh vi, biểu hiện những rung cảm chân thực của một trí tưởng tượng phong phú, như khi nhà thơ miêu tả vẻ đẹp rực rỡ của hoa mẫu đơn (trong *Vịnh mẫu đơn thịnh khai*):

“Nền đức vun trồng trái mấy sương
Việc lành sớm ứng bách hoa vương
Màu phô gấm kết đua muôn đóa
Vẻ sánh sao bày rõ mấy hàng
Rủ thêm lan, trắng rãi bóng
Kề toàn ngọc, gió đưa hương
Nhà xuân để bỏ diềm phồn thịnh
Chu nhã lần xoang chữ lộng chương”

Bài thơ thất ngôn xen lục ngôn, nhịp 3/3 với hai vế đối biểu hiện rõ đối tượng miêu tả. Tác giả không chỉ đơn thuần miêu tả vẻ đẹp tuyệt vời của hoa mà còn thể hiện được tình cảm mến yêu loài hoa thanh tao đó... Nhìn chung, thiên nhiên trong thơ ca các chúa Trịnh thường được lựa chọn theo những khuôn mẫu nghệ thuật ước lệ của văn chương Nho giáo, của thơ Đường luật, như: *Vịnh Xuân Hạ Thu Đông*, vịnh thời tiết, vịnh mười hai tháng, vịnh sơn thủy, vịnh phong hoa tuyết nguyệt, vịnh các loài cây, hoa,... theo cái lẽ tuần hoàn của vũ trụ - lẽ tuần hoàn của triết lý cổ phương Đông và bộc lộ cái thú thưởng ngoạn của bậc quân

vuông. Thơ về phong cảnh thiên nhiên của các vị chúa tụy vẫn theo những “khuôn” đề tài thiên nhiên ước lệ, mang tính phổ biến của thơ ca cổ trung đại và dù có một số bài thơ có sự lặp lại đề tài, tư tưởng, nhưng mảng thơ này vẫn bộc lộ tài năng và bản lĩnh của thi nhân - chúa Trịnh.

** Về ngôn ngữ - bút pháp*

Về ngôn ngữ, do mang phong cách sáng tác cung đình nên dòng thơ ca chúa Trịnh mặc dù là thơ Nôm (tiếng Việt) nhưng lại thường sử dụng các lớp từ Hán Việt, các điển tích, điển cố thi liệu Hán học, ngữ pháp Hán cổ với tầm suất cao (có lẽ cao hơn các tác phẩm thơ Nôm trước đó hoặc gần như đồng thời với thơ Nôm Nguyễn Trãi, thơ Nôm thời Hồng Đức, thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm, Bùi Xương TỰ, v.v...). Những từ Hán Việt dễ nhận thấy nhất là những từ đa tiết có nguồn gốc từ chữ Hán (đọc theo âm Hán Việt) như *giang sơn, tùng lâm, ngũ phúc, ngũ thường, ngũ luân, gia môn*. Ngoài ra, những từ đơn tiết có nguồn gốc Hán (đọc theo âm Hán Việt với nghĩa Hán) chưa “hòa nhập” vào kho từ vựng tiếng Việt, và sau này ít được dùng độc lập, cũng được xem là từ Hán Việt (như *nguyệt* - trăng; *trì* - ao, *thiên* - trời, *địa* - đất, *tư* - riêng, *quốc* - nước, *gia* - nhà, *quy* - về, v.v...). Từ Hán Việt nhiều nhất là lớp khái niệm về các lĩnh vực chính trị (như: *quân thần, dân, đại thống, đạo thống, triều cương, thần cơ, phong giáo, chế độ, cử thố, trí trị, quyền cương, thiên cương, ngũ chính, điều lí, phủ trị,...*), luân lý (*trung, hiếu, tiết, nghĩa, nhân, lễ, trí, tín, tam cương, ngũ thường, trung hậu, trinh chính, chí nhân, cương luân,...*), triết học (*tam diệu, tâm, trung đạo, khí, lí, dục, cần tạo, thiên chân, huyền cơ, âm dương, cách vật, trí tri, bỉ thái,...*), thiên văn (*thất diệu, Thọ tinh, Đẩu bính, Phúc tinh, nhật, nguyệt, tinh, thần, Bích Hán,...*), tôn giáo (*tam thiên thế*

giới, diệu sắc, Tịnh giới, Tịnh xá, trần duyên, vân tiêu, ưu bát, từ vân, ngũ phúc, thập giới, tam đồ, cửu thiên, độ duyên, tam thiên thế giới, Dao Kinh, Bồng Lai,...), v.v...

Việc sử dụng nhiều từ Hán Việt có thể do vấn đề vần điệu, khuôn thức bài thơ Đường luật yêu cầu, do thực trạng kho từ vựng tiếng Việt lúc bấy giờ (nhất là trong cung đình, trong môi trường trí thức là những người biết chữ Hán không đòi hỏi bức thiết phải “Việt hóa” triệt để), nhưng cũng có thể do tâm lý, thói quen chuộng sử dụng từ Hán còn phổ biến hoặc do yêu cầu làm trang trọng hóa câu thơ, bài thơ (trong nhiều hoàn cảnh khá quan phương như tiêu dẫn hoặc tiêu đề các bài thơ cho thấy). Ngoài ra, cá tính, thị hiếu của từng tác giả cũng có ảnh hưởng đến việc sử dụng từ Hán Việt. Tuy nhiên, cũng không thể không nói đến một nguyên nhân rất thực tế và cũng rất quan trọng là sự tương hợp giữa việc sử dụng lớp từ Hán Việt với nội dung tư tưởng, mục đích sáng tác mà các chúa Trịnh muốn thể hiện.

Nói về mục đích từ Hán Việt được dùng trong thơ ca, Lã Nhâm Thìn khái quát một số trường hợp sau: “có nội dung xưng tụng” (tức ca ngợi triều đại, ca ngợi các nhà cầm quyền,... bằng ngôn từ trang trọng, bác học); “thi vị hóa hiện thực” (dùng để miêu tả thiên nhiên, miêu tả đời sống hiện thực một cách bóng bẩy, hoa mỹ); “tư duy mang tính chất khái niệm, triết học” [biểu đạt những khái niệm trừu tượng, những quy luật mang tính triết học] (Lã Nhâm Thìn, 1998). Tất cả những trường hợp này đều phù hợp với mục đích sáng tác thơ Nôm của các chúa Trịnh: tự ca tụng cảnh thái bình thịnh trị của triều đại mình; thi vị hóa thiên nhiên và đời sống đương thời, bộc lộ bản thân; biểu dương, khuyến khích các lý tưởng triết học, xã hội của Nho giáo (Tổng

Nho), và của Tam giáo (Nho, Phật, Đạo), v.v... Nó cũng phù hợp với thị hiếu về hình thức của dòng thơ ca cung đình, bác học mà các chúa Trịnh là những tác giả tiêu biểu.

Bên cạnh đó, dòng thơ ca Trịnh phù cũng rất ưa thích sử dụng điển tích, điển cố. Điều này cũng dễ hiểu bởi các thi nhân chúa Trịnh vốn được đào tạo bài bản về Hán học, thi văn ngay từ khi còn nhỏ, lại được các văn thần tán trợ ngay cả trong việc làm thơ (như chọn vần sẵn, dạy cho các từ chương, điển cố, thi liệu,...). Đối tượng hướng tới của thơ ca các chúa Trịnh lại chủ yếu là tầng lớp trí thức cung đình có học (các nhà nho, các văn thần, tướng lĩnh, cung nhân, các nhà tu hành,...) nên họ dùng khá nhiều điển cố, thi liệu Hán học với nội dung biểu đạt phong phú: chính trị, xã hội, con người, thiên nhiên, triết học, văn học, nghệ thuật, v.v... Hơn thế, thơ chúa Trịnh còn thiên về sử dụng nhiều điển tích, điển cố uyên thâm, hóc hiểm, điều này càng cho thấy các chúa Trịnh là những chính trị gia có học thức, trình độ cao; là những nhà Hán học uyên thâm, quảng bác. Có lẽ đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến họ chinh phục được sự phò tá của giới trí thức Nho học vốn khá khắt khe trong việc đòi hỏi trình độ văn học ở đẳng quân vương dù công khai hay ngầm ngầm. Và như vậy, việc sử dụng điển tích, thi liệu Hán học ở đây cũng có những mục đích khá thực tiễn.

Về mặt bút pháp, dòng thơ ca các chúa Trịnh sử dụng phổ biến bút pháp tượng trưng ước lệ. Họ thường sử dụng những hình tượng có tính ước lệ, tượng trưng để thể hiện các lý tưởng xã hội, các phẩm chất đạo đức, các quan niệm nhân sinh mang màu sắc của Tam giáo trong đó đậm nét nhất vẫn là quan niệm Nho giáo, cũng như các chiêm nghiệm nhân sinh khác. Các hình ảnh tượng trưng, ước lệ cũng được sử

dụng để thi vị hóa đối tượng, đặc biệt là phong cảnh thiên nhiên. Thơ ca chúa Trịnh sử dụng rất nhiều sáo ngữ, hình ảnh quen thuộc (mang tính ẩn dụ) để miêu tả các địa danh khác nhau. Những bài thơ vịnh cảnh, vịnh địa danh trong thơ Nôm các chúa Trịnh (mặc dù là những bức “nhãn tiền cảnh trí”) không cụ thể mà na ná như nhau, nghĩa là cùng đẹp về đẹp lung linh, đài các, thanh nhã (dù đó là đền đài, miếu mạo, chùa chiền hay thành quách, đạo lộ, sông ngòi, khe suối,... qua đó thể hiện tâm hồn “thi nhân” nghệ sĩ của các chúa) và cùng biểu hiện một ý chung là tái hiện cảnh thái bình, thịnh trị dưới triều đại của các vị chúa giỏi văn chương này, hoặc thể hiện sự am hiểu, thấm thấu các triết lý màu nhiệm (Phật giáo, Đạo giáo) của họ.

Ngoài ra, thơ ca các chúa Trịnh cũng kế thừa các tác giả trung đại khác trong việc sử dụng các hình tượng mới (lấy từ thực tiễn đời sống) nhưng nâng lên thành các biểu trưng cho cùng nội dung trên. Tiêu biểu là các bài thơ “vịnh vật” chiếm một số lượng không hề nhỏ. Đó là những bài vịnh đủ các loại đồ vật, sự vật, hiện tượng, từ những sự vật quan trọng, kỳ vĩ đến sự vật hàng ngày, nhỏ bé: *cung miếu, đàn Nam giao, bia Văn Miếu, con mua, nhà thủy tạ, cái kiệu rồng, xe loan, cái võng châu, cái tán ngọc quỳnh, cá cờ, con voi, con ngựa, con thuyền, khẩu súng, cây cung, cái nỏ, thanh kiếm, cái bút, cái nghiên mực, cái quạt, các loại nhạc cụ*, v.v... Những vật dụng đó đều được sử dụng vào một mục đích chung: ngầm chỉ phẩm chất của người quân tử (ngũ thường), lý tưởng xã hội (tam cương, có vua sáng, chúa giỏi, tôi hiền, dân thuần). Căn cứ vào một vài đặc điểm nổi trội của đối tượng được vịnh, các tác giả liên tưởng, nâng nó lên thành các phẩm chất đạo đức, năng lực công hiến của bề tôi. Các hình tượng trên được các tác

giả tạo ra dựa trên những quan sát thực tế và liên tưởng, kết nối với các phạm trù tư tưởng, triết học. Do đó, chúng là những hình tượng ẩn dụ nằm ở điểm giao thoa giữa tư tưởng và hiện thực tạo thành cách nói lưỡng nghĩa, đa nghĩa rất độc đáo trong thơ Nôm các chúa Trịnh nói riêng và thơ Nôm Đường luật trước và đương thời nói chung.

5. Kết luận

Thời Lê - Trịnh có các cuộc nội chiến, nội loạn và đặc biệt có tình trạng phân liệt Đảng Trong - Đảng Ngoài, nhưng về cơ bản, quốc gia Đại Việt dưới sự cầm quyền thực tế của các chúa Trịnh cũng có những giai đoạn ổn định về kinh tế - xã hội, phát triển về văn hóa - văn học. Chúa Trịnh cũng như nhiều vị quân vương phong kiến phương Đông khác đã luôn ý thức rõ về vai trò của văn chương đối với sự khẳng định tài năng và quyền lực của mình, họ sử dụng sức mạnh của văn học nghệ thuật để giáo huấn, phủ dụ, khuyến giới. Các chúa như Trịnh Căn, Trịnh Cương, Trịnh Doanh,... đều yêu thích thơ văn, có ý thức dùng văn học để “nói chí”, “chờ đạo” và tô điểm cho ngôi vị, triều đại. Chính vì vậy, thơ ca các chúa Trịnh là một sản phẩm điển hình cho quan niệm sáng tác đầy tính “công lợi chủ

nghĩa” và cho loại hình văn học cung đình thời trung đại ở phương Đông □

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Tờ phiên dịch Viện Sử học dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Ngô Cao Lãng, Xiển Trai (1995), *Lịch triều tạp ký*, Hoa Bằng - Hoàng Văn Lâu dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Kim Ngân (1974), *Văn hóa chính trị Việt Nam - chế độ chính trị Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn.
4. Quốc sử quán triều Lê (2012), *Đại Việt sử ký tục biên [1676-1789]*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch, Nguyễn Đồng Chi hiệu đính, tái bản, Nxb. Hồng Bàng - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
5. Lã Nhâm Thìn (1998), *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thanh Tùng (2010), *Sự phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Thomas Meyer và Nicole Breyer (2007), *Tương lai của nền dân chủ xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Julian Nida-Ruemelin (2012), *Social Democratic Basic Values And The Work Of The SPD Basic Values Commission*, <https://www.socialeurope.eu/social-democratic-basic-values-and-the-work-of-the-spd-basic-values-commission>
9. *XXV Congress of the Socialist International, Cartagena, Colombia For a world in peace, with equality and solidarity*, <http://www.socialistinternational.org/viewArticle.cfm?ArticleID=2498>, MARCH 2017.

(tiếp theo trang 38)